

# SAI SÓT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

## FRAUDULENT FINANCIAL STATEMENT OF LISTED COMPANIES ON THE VIETNAMESE STOCK MARKET

Nguyễn Công Phương<sup>1</sup>, Nguyễn Trọng Hiếu<sup>2</sup>, Nguyễn Mạnh Cường<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng; [phuong.nc@due.edu.vn](mailto:phuong.nc@due.edu.vn)

<sup>2</sup>Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA; [hieu.nt@afac.com.vn](mailto:hieu.nt@afac.com.vn), [cuongnm.afa@gmail.com](mailto:cuongnm.afa@gmail.com)

**Tóm tắt** - Sai sót trong công bố thông tin trên Báo cáo tài chính (BCTC) là một trong những chủ đề đặc biệt được quan tâm và mang tính thời sự tại Việt Nam. Nghiên cứu này nhằm cung cấp bức tranh tổng quát về thực trạng sai sót BCTC theo các chỉ tiêu trọng yếu như lợi nhuận, tài sản. Dựa vào cách tiếp cận mô tả, so sánh và giải thích, kết quả phân tích cho thấy sai sót lợi nhuận và tài sản của các công ty niêm yết phổ biến cả về số lượng và mức độ sai sót. Sai sót cũng không giảm qua 5 năm và không phụ thuộc vào thị trường niêm yết và ngành nghề hoạt động. Kết quả này một mặt cung cấp thông tin có giá trị cho cơ quan quản lý, nhà đầu tư để xem xét trong việc quản lý và ra quyết định, mặt khác cung cấp kết quả cho các nhà nghiên cứu để nghiên cứu giải thích hiện tượng sai sót BCTC.

**Từ khóa** - sai sót báo cáo tài chính; sai sót lợi nhuận; sai sót tài sản; thị trường chứng khoán; công ty niêm yết.

### 1. Đặt vấn đề

Báo cáo tài chính (BCTC) nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng để ra quyết định. Thông tin sai sót có thể làm tổn hại đến việc ra quyết định đầu tư của nhà đầu tư. Sai sót BCTC là một chủ đề có tính thời sự trong lĩnh vực kinh tế, xã hội và chính trị. Tính phổ biến của sai sót BCTC trên thế giới và ở nước ta (Nguyễn Công Phương, 2016) đặt ra vấn đề, cần tìm hiểu bản chất, nguyên nhân và hệ quả của sai sót. Một chủ đề nghiên cứu rộng rãi trong học thuật là nghiên cứu về *gian lận BCTC* (*fraudulent financial statements*). Chủ đề này đã và đang thu hút sự quan tâm của công chúng, quản lý nhà nước và các bên có liên quan khác vì hành vi này xảy ra ở nhiều công ty với mức độ khác nhau, làm ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích của các bên có liên quan trên thị trường và cả trong đời sống xã hội (chẳng hạn trường hợp của Enron, WorldCom, Global Crossing, Adelphia, ... ở Mỹ hay Bông Bạch Tuyết, Dược Viên Đông, Gỗ Trường Thành, ... ở Việt Nam.). Không như ở một số nước, chẳng hạn như ở Mỹ, gian lận và sai sót BCTC được tổng hợp và công bố rộng rãi hàng năm bởi cơ quan công quyền có liên quan hoặc các hiệp hội để cung cấp thông tin cho công chúng. Ở Việt Nam cơ quan quản lý nhà nước (như Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) hoặc các tổ chức nghề nghiệp không công bố các báo cáo về sai phạm BCTC của các công ty niêm yết. Sai sót nói chung và gian lận BCTC của các công ty niêm yết nói riêng ở Việt Nam được báo chí phản ánh rời rạc thông qua báo cáo kiểm toán của các công ty kiểm toán độc lập. Từ đó, rất khó để có một đánh giá đầy đủ, bao quát thực trạng sai sót BCTC của các công ty niêm yết tại Việt Nam. Ngoài nghiên cứu của Nguyễn Công Phương và cộng sự (2016) về sai sót BCTC trong

**Abstract** - This study aims to provide a general picture of fraudulent financial statements through the key indicators such as profit and assets. Based on the descriptive, comparative and explanatory approaches, the results of the analysis show that the fraudulent profit and assets of listed companies are popular both in terms of quantity and level of error. Errors also do not decrease over 5 years and are not dependent on the listed stock market and the industry. This result, on the one hand, provides valuable information to regulators and investors for consideration in management and decision making, and on the other hand provides results for researchers to do research in the future.

**Key words** - fraudulent financial statement; profit errors; asset errors; stock market; listed company.

ba năm từ 2010 đến 2012, chưa tìm thấy một nghiên cứu phân tích có hệ thống sai sót BCTC trong nhiều năm.

Bài viết phân tích sai sót BCTC của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2016. Phân tích sai sót tập trung vào các nội dung trọng yếu gồm: sai sót về lợi nhuận, sai sót về tài sản. Nhằm cung cấp bức tranh về thực trạng sai sót BCTC của các công ty niêm yết theo thời gian. Kết quả phân tích, cung cấp bằng chứng thực tế giúp cho các nghiên cứu thực nghiệm về sau, trong việc nhận diện và đo lường biến phụ thuộc (sai sót BCTC) trên cơ sở kết hợp đánh giá nguyên nhân sai sót.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

Về mặt phương pháp, phân tích dựa vào số liệu thống kê mô tả (còn được gọi là nghiên cứu dạng mô tả - Descriptive studies). Mục đích là cung cấp một bức tranh hiện thực về sai sót BCTC của các công ty niêm yết, nhận diện một số thuộc tính của sai sót, qua đó cung cấp các bằng chứng làm căn cứ cho thực hiện các nghiên cứu phân tích chuyên sâu hơn ở các nghiên cứu tiếp theo. Cách tiếp cận phân tích dựa vào số liệu thống kê mô tả đã được nghiên cứu thực hiện ở nhiều nước trên thế giới, nhất là ở Mỹ. Bremser, LicataRollins (1991) phân tích sai sót của các công ty và kiểm toán viên trong giai đoạn từ 1982-1989 đã tổng hợp các thông tin về các dạng vi phạm trong kế toán, của kiểm toán viên và ý kiến kiểm toán đối với BCTC của các công ty này và những hình phạt do Ủy ban Chứng khoán và Hối đoái Mỹ (SEC) áp dụng. Beasley, Carcello Hermanson (1999) đã phân tích các BCTC có sai sót do COSO công bố. Dựa vào thống kê mô tả, phân tích các nghiên cứu đã hệ thống hóa các thuộc tính của các công ty có BCTC sai sót. Nghiên cứu của Hiệp hội các nhà điều tra

gian lận Hoa Kỳ (ACFE)<sup>1</sup> cũng sử dụng phương pháp thống kê mô tả để thống kê các trường hợp và tỷ lệ các công ty có sai phạm gian lận BCTC theo các trường hợp (ghi nhận, đo lường và công bố thông tin). Sử dụng thống kê mô tả, nghiên cứu của KPMG (2003) đã nhận diện top 4 dạng sai phạm tài chính, đó là sai sót về xác định giá tài sản và ghi nhận doanh thu, cho dẫu nợ và chi phí, ghi nhận doanh thu không có thực, và bỏ sót hoặc công bố thông tin không hợp lý<sup>2</sup>. Điều tra của COSO từ năm 1987 đến 1997 đối với 204 công ty đại chúng ở Mỹ cung cấp bằng chứng về sai phạm BCTC, nhất là sai phạm về xác định giá trị tài sản cao hơn thực tế thông qua việc ghi nhận tài sản không có thực hoặc vốn hoá chi phí đáng ra phải ghi nhận vào chi phí xác định lợi nhuận trong kỳ (COSO, 1999). Ở Việt Nam, nghiên cứu của Nguyễn Công Phương và cộng sự (2016) đã thống kê mô tả về sai sót BCTC trong ba năm từ 2010 đến 2012.

Kế thừa các nghiên cứu trước đây, phương pháp sử dụng trong các nghiên cứu này là phương pháp thống kê mô tả. Do đó, cách tiếp cận của bài viết là phân tích mô tả dựa vào số liệu thứ cấp là BCTC trước và sau kiểm toán. Sự sai lệch số liệu trước với sau kiểm toán này phản ánh sai sót BCTC, chưa thể khẳng định hành vi, nguyên nhân và hệ quả của sai sót này. Để thu thập thông tin về các công ty có sai sót BCTC, nghiên cứu này nhận được sự trợ giúp từ công ty chuyên cung cấp số liệu tài chính StockPlus, đây là Công ty hàng đầu chuyên về cung cấp các giải pháp thông tin tài chính, dữ liệu thị trường.

Dữ liệu về các công ty niêm yết có sai sót BCTC trong thời gian 2012 đến 2016 được thu thập thông qua cơ sở dữ liệu StockPlus. Số liệu này do StockPlus tổng hợp từ BCTC trước và sau kiểm toán, đính kèm báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập được công bố trên hai sở giao dịch chứng khoán HNX và HOSE. Ngoài ra, một số dữ liệu còn thiếu được thu thập trực tiếp trên website của StockPlus, S.cafef.vn và từ website của doanh nghiệp niêm yết cần thu thập. Các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngân hàng và công ty tài chính không đưa vào nghiên cứu, do có khác biệt về BCTC.

Về mặt đo lường sai sót BCTC, sai sót BCTC là chênh lệch số liệu trước kiểm toán với số liệu sau kiểm toán. Chênh lệch số liệu BCTC trước và sau kiểm toán chỉ phản ánh sai sót, chưa thể khẳng định có gian lận hay không. Vì không có thông tin về gian lận, việc ước tính gian lận mang tính tương đối thông qua động cơ gian lận. Dựa vào động cơ và thủ thuật gian lận, các nhà nghiên cứu cho rằng, động cơ gian lận đi kèm với thủ thuật thổi phồng lợi nhuận như tăng doanh thu, giảm chi phí; tăng giá trị tài sản; che giấu nợ; che giấu thông tin cung cấp trong BCTC.... Trên cơ sở này, đo lường tương đối gắn cho hành vi có thể xảy ra gian lận khi công ty báo cáo lợi nhuận, tài sản (số liệu trước kiểm toán) cao hơn thực tế (số liệu sau kiểm toán). Trường hợp ngược lại được xem là sai sót không cố ý (có thể do hệ thống kế toán của doanh nghiệp yếu kém hoặc do nhầm lẫn). Từ đó, nghiên cứu phân loại một cách tương đối (dựa

vào tính phổ biến) hai dạng sai sót theo cơ sở này, như được tóm tắt ở Bảng 1.

**Bảng 1. Phân loại sai sót**

Loại sai sót	Thực tế báo cáo so với số liệu kiểm toán				
	Lợi nhuận		Tài sản	Nợ	Công bố thông tin
	Doanh thu	Chi phí			
Sai sót cố ý (gian lận)	Cao hơn	Thấp hơn	Cao hơn	Thấp hơn	Ít hơn
Sai sót không cố ý	Thấp hơn	Cao hơn	Thấp hơn	Cao hơn	Không thể gắn tương đồng

### 3. Kết quả phân tích

#### 3.1. Số lượng công ty có sai sót BCTC qua năm từ 2012-2016

Số liệu tổng hợp của StockPlus cung cấp cho thấy, số lượng các công ty niêm yết chính thức trên sàn HOSE và HNX qua các năm như sau: năm 2012 có 689 công ty, năm 2013 có 662, năm 2014 có 679 công ty, năm 2015 có 684 công ty và năm 2016 có 698 công ty. Trong đó, các công ty thiếu số liệu trước kiểm toán hoặc thiếu số liệu sau kiểm toán cũng như các công ty thuộc ngành nghề tài chính, ngân hàng, chứng khoán sẽ loại ra khỏi dữ liệu nghiên cứu. Như vậy, số liệu các công ty được đưa vào dữ liệu nghiên cứu như sau: năm 2012: 612 công ty, năm 2013: 580, năm 2014: 585 công ty, năm 2015: 599 công ty và năm 2016: 649 công ty.

Số lượng và tỷ lệ phần trăm các công ty báo cáo lợi nhuận cao hơn, thấp hơn, và không thay đổi so với số liệu của kiểm toán được trình bày ở Bảng 2. Bảng 3, trình bày số lượng và tỷ lệ các công ty có sai sót về tổng tài sản trước và sau kiểm toán.

**Bảng 2. Thống kê các công ty có sai sót lợi nhuận**

Thực tế báo cáo so với kết quả kiểm toán	2012		2013		2014		2015		2016	
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
1. Lệch so với số liệu kiểm toán, trong đó										
- Báo cáo cao hơn	307	50,2	307	52,9	242	41,4	264	44,0	302	46,5
- Báo cáo thấp hơn	204	33,3	157	27,1	193	33,0	192	32,1	200	30,8
2. Không thay đổi	101	16,5	116	20,0	150	25,6	143	23,9	147	22,7
<b>Tổng</b>	<b>612</b>	<b>100</b>	<b>580</b>	<b>100</b>	<b>585</b>	<b>100</b>	<b>599</b>	<b>100</b>	<b>649</b>	<b>100</b>

Bảng 2 cho thấy các công ty có sai sót lợi nhuận chiếm một tỷ lệ tương đối cao, dao động quanh mức 80% trong tổng số công ty được lựa chọn nghiên cứu. Cụ thể, năm 2012 tỷ lệ này là 83,5%, năm 2013 là 80%, năm 2014 là 74,4%, năm 2015 là 76,1% và năm 2016 là 77,3%. Số liệu thống kê này cho thấy, tình trạng sai sót trong lợi nhuận có xu hướng

<sup>1</sup> Trích dẫn trong nghiên cứu của Trần Thị Giang Tân [7]. Trần Thị Giang Tân, "Gian lận trên báo cáo tài chính: thực trạng và kiến nghị đối với các doanh nghiệp Việt Nam", *Tạp chí Kinh tế Phát triển*, 225, tháng 7, 2009, pp. 7..

<sup>2</sup> Trích dẫn trong nghiên cứu của Beasley et al. [2]. Beasley M.S., Carcello J.V., Hermanson D.R., Lapedes P.D., "Fraudulent financial reporting: Consideration of industry traits and corporate governance mechanisms", *Accounting Horizons*, 14(4), 2000, pp. 441-454.

giảm trong những năm gần đây. Trong đó, các công ty có số liệu trước kiểm toán cao hơn số liệu sau kiểm toán (sai sót có ý) chiếm tỷ lệ khá cao. Tuy nhiên, tỷ lệ này có xu hướng giảm trong các năm về sau (năm 2012 là 50,2%, năm 2013 là 52,9%, năm 2014 là 41,4%, năm 2015 là 44% và năm 2016 là 46,5%). Đồng thời các công ty có báo cáo lợi nhuận thấp hơn lợi nhuận kiểm toán (sai sót không có ý) cũng chiếm tỷ lệ tương đối cao, cụ thể: năm 2012 là 33,3%, năm 2013 là 27,1%, năm 2014 là 33%, năm 2015 là 32,1% và năm 2016 là 30,8%. Câu hỏi đặt ra ở đây là phải chăng đây là những sai sót không có ý do kế toán ở các công ty còn hạn chế về mặt chuyên môn, chưa nắm vững các nguyên tắc kế toán hoặc do nhầm lẫn hay là chủ ý của doanh nghiệp niêm yết. Thực tế, cũng có trường hợp công ty công bố lợi nhuận thấp hơn để phục vụ các mục đích riêng của ban điều hành công ty, chẳng hạn như muốn giá cổ phiếu xuống thấp để mua vào, sau đó khi công bố lợi nhuận chính thức sau kiểm toán thì lại bán ra với mức giá cao hơn.

**Bảng 3.** Thống kê các công ty có sai sót giá trị tài sản

Thực tế báo cáo so với kết quả kiểm toán	2012		2013		2014		2015		2016	
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
1. Lệch so với số liệu kiểm toán, trong đó										
- Báo cáo cao hơn	499	81,5	455	78,4	435	74,4	455	76,0	491	75,7
- Báo cáo thấp hơn	290	47,4	276	47,6	244	41,7	248	41,4	282	43,5
2. Không thay đổi	113	18,5	125	21,6	150	25,6	144	24,0	158	24,3
<b>Tổng</b>	<b>612</b>	<b>100</b>	<b>580</b>	<b>100</b>	<b>585</b>	<b>100</b>	<b>599</b>	<b>100</b>	<b>649</b>	<b>100</b>

**Bảng 4.** Kiểm định T-test so sánh sai sót của các công ty giữa hai sở giao dịch chứng khoán

		Levene's Test		T-test for Equality of Means				
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference
Chênh lệch Lợi nhuận	Phương sai của hai tổng thể bằng nhau	3,803	0,051	0,497	3.023	0,619	1.088.885.966,3	2.190.549.185,7
	Phương sai của hai tổng thể không bằng nhau			0,453	1.565,6	0,651	1.088.885.966,3	2.403.742.252,9

**Bảng 5.** Kiểm định ANOVA so sánh sai sót lợi nhuận giữa các ngành

Source of Variation	SS	df	MS	F	P-value	F crit
Between Groups	4,26E+22	8	5,32E+21	1,33865	0,21929	1,941824
Within Groups	1,07E+25	2.704	3,98E+21			
Total	1,08E+25	2.712				

Kết quả kiểm định ở Bảng 5 cho thấy mức ý nghĩa thống kê của kiểm định ANOVA là 0,21 lớn hơn 0,05. Có nghĩa là sai sót lợi nhuận trước và sau kiểm toán của các công ty giữa các ngành là không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Từ hai kết quả kiểm định trên cho thấy, sai sót lợi nhuận của các công ty không phụ thuộc vào nơi niêm yết (HNX hay HOSE) và cũng không phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh. Điều này có nghĩa rằng, sai sót lợi nhuận là do yếu tố nội tại của công ty như quản lý điều hành, quản trị công ty.

Về sai sót trên bảng cân đối kế toán thể hiện ở số liệu tổng hợp là giá trị tổng tài sản (Bảng 3) cũng có chiều hướng giảm qua các năm. Cụ thể, năm 2012 tỷ lệ này là 81,5%, năm 2013 là 78,4%, năm 2014 là 74,4%, có tăng nhẹ năm 2015 là 76% và năm 2016 là 75,7% nhưng vẫn còn thấp so với năm 2012. Sai sót giá trị tổng tài sản do các sai sót của một số khoản mục phổ biến sẽ được trình bày dưới đây.

Kết quả trên có thể phản ánh ba vấn đề đối với nhà quản lý. Thứ nhất, tình hình sai sót BCTC đang có xu hướng giảm, tuy nhiên nhìn chung vẫn còn tương đối cao. Thứ hai, thái độ tiêu cực của các công ty niêm yết về tuân thủ nguyên tắc kế toán trong lập và trình bày BCTC. Thứ ba, trình độ của kế toán ở nhiều công ty niêm yết (các công ty có báo cáo lợi nhuận trước kiểm toán thấp hơn lợi nhuận sau khi được kiểm toán) chưa đáp ứng được yêu cầu.

Các công ty trong mẫu nghiên cứu được thu thập từ số liệu của hai sở giao dịch chứng khoán (HNX và HOSE). Mặc dù hai sở giao dịch chứng khoán hoạt động theo khuôn khổ pháp lý chung, nhưng giữa chúng có sự khác biệt ít nhiều về quản lý, điều hành, uy tín, ... Để đánh giá xem liệu sai sót BCTC của các công ty niêm yết có sự khác biệt giữa hai thị trường, kiểm định so sánh T-test được áp dụng. Kết quả phân tích được trình bày ở Bảng 4. Kết quả cho thấy, kiểm định T-test không có ý nghĩa thống kê (mức ý nghĩa sig. = 0,651). Kết quả này muốn nói rằng không có sự khác biệt về sai sót lợi nhuận trong BCTC của các công ty niêm yết giữa hai sở giao dịch chứng khoán.

Để phân tích có sự khác biệt về mức độ sai sót chỉ tiêu lợi nhuận của các công ty thuộc các nhóm ngành khác nhau, kiểm định so sánh ANOVA được sử dụng. Các công ty trong mẫu được xếp vào chính ngành theo phân loại của Ủy ban Chứng khoán. Kết quả phân tích được trình bày ở Bảng 5.

### 3.2. Quy mô sai sót BCTC

Sai sót lợi nhuận là chênh lệch giữa lợi nhuận sau thuế trước kiểm toán và lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán. Bảng 6 trình bày quy mô lợi nhuận sai sót của các công ty báo cáo lợi nhuận cao hơn lợi nhuận sau kiểm toán. Bảng 7 trình bày quy mô lợi nhuận sai sót của các công ty báo cáo lợi nhuận thấp hơn lợi nhuận sau kiểm toán.

Xét về quy mô sai sót lợi nhuận (xem các Bảng 6, 7), giá trị lợi nhuận sai sót là tương đối lớn. Đối với các công ty báo cáo lợi nhuận cao hơn lợi nhuận sau kiểm toán (Bảng

6), quy mô sai sót như sau: năm 2012 (giá trị sai sót 1.588 tỷ đồng), năm 2013 (giá trị sai sót 1.094 tỷ đồng), năm 2014 (giá trị sai sót 4.421 tỷ đồng), năm 2015 (giá trị sai sót 1.080 tỷ đồng) và năm 2016 (giá trị sai sót 1.286 tỷ đồng). Qua đó ta thấy, giá trị sai sót trong năm 2014 có sự đột biến so với các năm còn lại, sở dĩ như vậy là vì trong năm 2014, qua kết quả kiểm toán BCTC năm 2014 thì lợi nhuận sau thuế của công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (mã chứng khoán OGC) có chênh lệch lợi nhuận lên đến 2.956 tỷ (lợi nhuận trước kiểm toán là 408 tỷ đồng, lợi nhuận sau kiểm toán là 2.548 tỷ). Đây cũng là chênh lệch lợi nhuận cao nhất của một công ty trong 5 năm nghiên cứu. Như vậy, nếu ngoại trừ số liệu sai sót của OGC nói trên thì tổng giá trị sai sót lợi nhuận của các công ty này qua các năm ở mức từ 1.080 tỷ đồng đến 1.688 tỷ đồng.

**Bảng 6.** Quy mô sai sót lợi nhuận, trường hợp các công ty báo cáo lợi nhuận cao hơn lợi nhuận kiểm toán (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng lợi nhuận sai sót	1.588.388	1.093.777	4.421.334	1.080.013	1.286.006
Mean của lợi nhuận sai sót	5.174	3.563	18.270	4.091	4.258
Median của lợi nhuận sai lệch	532	417	393	394	623
Minimum của lợi nhuận sai sót	0	0	0	0	0
Maximum của lợi nhuận sai sót	326.812	155.805	2.956.283	103.452	126.926
Số lượng công ty	307	307	242	264	302

Đối với những công ty báo cáo lợi nhuận thấp hơn lợi nhuận sau kiểm toán (Bảng 7), quy mô sai sót như sau: năm 2012 (giá trị lợi nhuận sai sót là 756 tỷ đồng), năm 2013 (giá trị lợi nhuận sai sót là 1.207 tỷ đồng), năm 2014 (giá trị lợi nhuận sai sót là 1.538 tỷ đồng), năm 2015 (giá trị lợi nhuận sai sót là 861 tỷ đồng) và năm 2016 (giá trị lợi nhuận sai sót là 1.191 tỷ đồng). Như vậy, tổng giá trị sai sót lợi nhuận của các công ty này qua các năm ở mức từ 756 tỷ đồng đến 1.538 tỷ đồng.

Xét về giá trị sai sót bình quân cho từng công ty (xem các Bảng 6, 7), giá trị sai sót từ năm 2012 đến 2016 biến động lớn và không theo xu hướng rõ ràng. Cụ thể, đối với những công ty báo cáo lợi nhuận cao hơn lợi nhuận sau kiểm toán (Bảng 6), giá trị lợi nhuận sai sót từ năm 2012 đến 2016 tương ứng là 5,18 tỷ đồng, 3,56 tỷ đồng, 18,27 tỷ đồng, 4,09 tỷ đồng và 4,26 tỷ đồng. Như vậy, số liệu năm 2014 cũng có sự đột biến so với các năm còn lại là do ảnh hưởng từ sai sót lợi nhuận của OGC.

Với những công ty có báo cáo lợi nhuận thấp hơn lợi nhuận sau kiểm toán (Bảng 7), các giá trị này lần lượt là 3,71 tỷ đồng, 7,69 tỷ đồng, 7,97 tỷ đồng, 4,49 tỷ đồng và 5,96 tỷ đồng. Với sai sót này, giá trị sai sót bình quân cho 1 công ty năm 2014 là cao nhất (7,97 tỷ đồng).

Mức sai sót lớn nhất (giá trị maximum) là chỉ số đáng quan tâm vì giá trị sai sót quá lớn. Với những công ty có báo cáo lợi nhuận cao hơn lợi nhuận sau kiểm toán (Bảng 6), mức sai sót lớn nhất qua 5 năm lần lượt là 326,81 tỷ đồng, 155,81 tỷ đồng, 2.956,28 tỷ đồng, 103,45 tỷ đồng và 126,93 tỷ đồng. Đối với những công ty có báo cáo lợi

nhận thấp hơn lợi nhuận sau kiểm toán (Bảng 7), giá trị sai sót lớn nhất cũng rất lớn, lần lượt qua 5 năm là 119,45 tỷ đồng, 403,95 tỷ đồng, 657,95 tỷ đồng, 101,30 tỷ đồng và 333,65 tỷ đồng.

**Bảng 7.** Quy mô sai sót lợi nhuận, trường hợp các công ty báo cáo lợi nhuận thấp hơn lợi nhuận kiểm toán (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng lợi nhuận sai sót	756.400	1.207.245	1.538.164	861.306	1.191.278
Mean của lợi nhuận sai sót	3.708	7.689	7.970	4.486	5.956
Median của lợi nhuận sai lệch	562	583	338	388	396
Minimum của lợi nhuận sai sót	0	0	0	0	0
Maximum của lợi nhuận sai sót	119.450	403.948	657.946	101.295	333.648
Số lượng công ty	204	157	193	192	200

Bảng 8 trình bày giá trị lợi nhuận sai sót so với giá trị vốn hoá thị trường dao động từ 0,16% đến 0,57%, đặc biệt tỷ lệ này cao nhất ở năm 2014 (chiếm 0,57% giá trị vốn hoá thị trường). Kết quả này cho thấy, tình trạng xấu của thị trường có liên quan đến mức độ sai sót BCTC của các công ty? Nhận định này tương tự nhận định về mức độ gian lận của các công ty khi rơi vào tình trạng khó khăn tài chính như đã được đề cập nhiều trong lý thuyết, theo đó khi công ty càng khó khăn thì mức độ sai sót càng lớn.

**Bảng 8.** Quy mô sai sót lợi nhuận so với giá trị vốn hoá thị trường

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng lợi nhuận sai sót (nghìn tỷ)	2,344	2,301	5,959	1,941	2,477
Giá trị vốn hoá thị trường (nghìn tỷ)	648,750	850,350	1.038,500	1.243,783	1.500,933
Tỷ lệ hksai sót so với giá trị vốn hóa thị trường (%)	0,36%	0,27%	0,57%	0,16%	0,17%

\*Giá trị vốn hoá thị trường (HOSE và HNX) thu thập từ nguồn StockPlus.

Nhìn chung, giá trị lợi nhuận sai sót của các công ty báo cáo lợi nhuận có xu hướng tăng (được xem là gian lận) và của các công ty báo cáo lợi nhuận giảm (được xem là sai sót không cố ý) đều có xu hướng tăng. Những số liệu này báo động về mức độ sai sót BCTC cũng như chiều hướng sai sót và gợi ý cho các cơ quan quản lý nhiều điều cần suy nghĩ để có giải pháp thích hợp nhằm hạn chế sai sót BCTC của các công ty niêm yết.

#### 4. Kết luận

Tổng kết từ các nội dung phân tích sai sót BCTC của các công ty niêm yết tại Việt Nam có thể thấy, tình trạng sai sót BCTC là phổ biến cả về số lượng, về chất lượng (mức độ sai sót lớn) và về thời gian sai sót. Từ kết quả phân tích có thể rút ra một số kết luận sau:

i) Sai sót BCTC của công ty niêm yết là phổ biến cả về

số lượng công ty và về quy mô sai sót;

ii) Sai sót không có chiều hướng giảm qua 5 năm;

iii) Ngoài sai sót có dấu hiệu gian lận (báo cáo doanh thu, lợi nhuận cao, chi phí thấp, giá trị tài sản cao, nợ thấp), sai sót theo chiều hướng ngược lại cũng đáng kể ở tất cả các khía cạnh. Dạng sai sót này thường được cho là nhầm lẫn. Điều này đặt ra vấn đề về trình độ kế toán của các công ty niêm yết.

Phân tích trên chỉ đánh giá hiện tượng, chưa giải thích nguyên nhân. Nghiên cứu về sau cần đánh giá nguyên nhân của sai sót thông qua phân tích mối liên hệ giữa sai sót BCTC và các yếu tố có liên quan đến lập và công bố BCTC, đặc biệt là quản trị công ty. Qua đó có giải pháp quản lý tốt hơn các yếu tố này nhằm giảm thiểu sai sót BCTC, giúp thị trường chứng khoán minh bạch hơn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Beasley M. S., Carcello J. V., Hermanson D. R., *Fraudulent*

*Financial Reporting: 1987-1997, An Analysis of Public Companies*, NY: COSO, New York, 1999.

[2] Beasley M. S., Carcello J. V., Hermanson D. R., Lapedes P. D., "Fraudulent Financial Reporting: Consideration of Industry Traits and Corporate Governance Mechanisms", *Accounting Horizons*, 14(4), 2000, pp. 441-454.

[3] Bremsler W. G., Licata M. P., Rollins T. P., "SEC Enforcement Activities: A Survey and Critical Perspective", *Critical Perspectives on Accounting*, 2(2), 1991, pp. 185-199.

[4] COSO, *Fraudulent Financial Reporting: 1987-1997, An Analysis of U.S. Public Companies*, Report of the National Commission on Fraudulent Financial Reporting, 1999, pp.

[5] Nguyễn Công Phương, Ngô Hà Tấn, Trần Đình Khôi Nguyên, Đoàn Thị Ngọc Trai, Nguyễn Trọng Hiếu, *Thảo luận báo cáo tài chính của các công ty niêm yết và tác động tới thị trường chứng khoán Việt Nam*, Đề tài KH&CN cấp Bộ, Mã số B2015-04-15. 2016.

[6] Nguyễn Công Phương, Nguyễn Trần Nguyên Trân, "Mô hình Beneish dự đoán sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính", *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 206, 2014, trang 54-60.

[7] Trần Thị Giang Tân, "Gian lận trên báo cáo tài chính: Thực trạng và kiến nghị đối với các doanh nghiệp Việt Nam", *Tạp chí Kinh tế Phát triển*, 225, tháng 7, 2009, trang 7.

(BBT nhận bài: 03/10/2018, hoàn tất thủ tục phản biện: 25/10/2018)